

ĐỀ 1

(Đề có 03 trang)

A. Phần trắc nghiệm học sinh chọn 1 đáp án đúng (20 câu – 5đ)

Câu 1. Ai đã tạo ra hệ điều hành cho IBM và bắt đầu một công ty có tên Microsoft?

- A. Bill Gates. B. Alan Turing. C. Steve Jobs. D. Howard Aiken.

Câu 2. Nhà bác học Blaise Pascal đã sáng chế ra chiếc máy tính cơ học Pascaline vào năm nào?

- A. 1640 B. 1641 C. 1643 D. 1642

Câu 3. Dịch vụ nào của máy tính có thể hỗ trợ học sinh học tập từ xa?

- A. Đặt vé máy bay. B. Mua sắm trực tuyến.

- C. Trường học ảo và đào tạo từ xa. D. Đọc tin tức.

Câu 4. Cách nào sau đây không phải là phương tiện giao tiếp của máy tính?

- A. Email. B. Tin nhắn. C. Bưu điện. D. Mạng xã hội.

Câu 5. Phương án nào sau đây là nguồn thông tin đáng tin cậy?

- A. Diễn đàn mạng công cộng. B. Trang tin điện tử của chính phủ.

- C. Mạng xã hội. D. Một cuốn sách không có tác giả.

Câu 6. Thông tin số được tạo ra với tốc độ là?

- A. Tăng theo thời điểm. B. Không có thay đổi.

- C. Phụ thuộc môi trường. D. Ngày càng tăng cao.

Câu 7. Kho dữ liệu số lớn nhất là?

- A. Thiết bị thu nhận thông tin. B. Các ổ cứng, ổ đĩa ngoài.

- C. Mạng xã hội (Facebook). D. Không gian mạng Internet.

Câu 8. Loại trang web nào sau đây KHÔNG nên truy cập?

- A. Báo điện tử chính phủ. B. Đặt cược cá độ bóng đá.

- C. Nghe nhạc có bản quyền. D. Cộng đồng học tập lớp 8.

Câu 9. Địa điểm nào sau đây KHÔNG được phép tự do quay phim công khai?

- A. Công viên công cộng. B. Trung tâm thương mại.

- C. Khuôn viên trường học. D. Khu vực quân sự.

Câu 10. Trước khi thực hiện lọc dữ liệu, em cần làm gì đầu tiên?

- A. Chọn một ô bất kỳ trong bảng dữ liệu. B. In bảng dữ liệu ra giấy.

- C. Mở một tệp mới. D. Sắp xếp lại bảng dữ liệu.

Câu 11. Lệnh Filter dùng để làm gì?

- A. Sắp xếp dữ liệu. B. Lọc dữ liệu.

C. Định dạng dữ liệu.

D. Sắp xếp và lọc dữ liệu.

Câu 12. Nếu muốn lọc các lớp có tỉ lệ học sinh giỏi trên 15%, ta sử dụng tùy chọn nào trong Number Filters?

A. Equals.

B. Greater Than.

C. Less Than.

D. Top 10.

Câu 13. Để sắp xếp dữ liệu trên một cột, bước đầu tiên em cần làm là gì?

A. Chọn một ô bất kỳ trong cột cần sắp xếp.

B. Nhấn chuột vào biểu tượng "Sắp xếp" trên thanh công cụ.

C. Mở hộp thoại "Sort & Filter".

D. Chọn toàn bộ bảng dữ liệu.

Câu 14. Trong hộp thoại Sort, cột "Column" dùng để làm gì?

A. Chọn kiểu sắp xếp.

B. Chọn thứ tự sắp xếp (tăng dần/giảm dần).

C. Chọn cột dữ liệu để sắp xếp.

D. Hiện thị kết quả sắp xếp.

Câu 15. Sau khi chọn vùng dữ liệu, em sẽ sử dụng dải lệnh nào để tạo biểu đồ?

A. Home.

B. Insert.

C. Data.

D. Review.

Câu 16. Trong dải lệnh Insert, nhóm lệnh nào chứa các tùy chọn để tạo biểu đồ?

A. Tables.

B. Illustrations.

C. Charts.

D. Links.

Câu 17. Thành phần nào của biểu đồ dùng để giải thích ý nghĩa của các màu sắc hoặc ký hiệu trong biểu đồ?

A. Axis Titles

B. Data Labels

C. Legend

D. Chart Title

Câu 18. Để thay đổi phong chữ và kích thước của các chữ trong biểu đồ, em sẽ sử dụng nhóm lệnh nào trên dải lệnh Home?

A. Alignment.

B. Font.

C. Cells.

D. Editing.

Câu 19. Phương án nào sau đây là địa chỉ tương đối?

A. 11F.

B. B\$2.

C. A12.

D. AB2.

Câu 20. Phím tắt được dùng để chuyển sang địa chỉ tuyệt đối là

A. F3.

B. F5.

C. F6.

D. F4.

B. Phần trắc nghiệm đáp án Đúng Sai (2 câu – 2đ)

Câu 21. Để tạo biểu đồ từ một bảng dữ liệu trong phần mềm bảng tính (ví dụ: Microsoft Excel), em cần thực hiện những thao tác cơ bản nào?

A. Chọn vùng dữ liệu cần tạo biểu đồ.

B. Nhập công thức tính toán cho dữ liệu.

C. Mở phần mềm vẽ tranh để thiết kế.

D. Vào dải lệnh Insert và chọn kiểu biểu đồ thích hợp.

Câu 22. Biểu đồ cột (Column Chart) và biểu đồ đường (Line Chart) thường được sử dụng với mục đích gì?

A. Biểu đồ cột dùng để thể hiện tỉ lệ phần trăm của các phần trong một tổng thể.

B. Biểu đồ cột dùng để so sánh các giá trị trên các trục tọa độ.

C. Biểu đồ đường dùng để thể hiện xu hướng của dữ liệu theo thời gian.

D. Biểu đồ đường dùng để so sánh dữ liệu giữa các danh mục không liên quan đến thời gian.

C. Phần trắc nghiệm dạng thực hành (3 câu – 3đ)

Câu 23. Để tạo biểu đồ, trước tiên cần (1)-----, sau đó vào menu (2)-----, chọn loại (3)----- và cuối cùng nhấn nút (4)-----.

Hãy điền vào chỗ trống các từ phù hợp: **Finish để hoàn tất; chọn vùng dữ liệu; Insert; Chart**

Câu 24. Một biểu đồ gồm các thành phần chính: (1)-----, (2)-----, (3)-----, và (4) vùng vẽ biểu đồ.

Hãy điền vào chỗ trống các từ phù hợp: **trục hoành; vùng vẽ biểu đồ; trục tung ; tiêu đề biểu đồ.**

Câu 25. Để đổi kiểu biểu đồ đã tạo, ta chọn biểu đồ, nhấn (1)-----, chọn (2)-----, sau đó sử dụng nút (3)----- và chọn kiểu (4)-----.

Hãy điền vào chỗ trống các từ phù hợp: **Change Chart Type; Chart Tools; Design; mới.**

---HẾT---